TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HS-ST
Ngày: 25/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

Tại điểm cầu trung tâm – Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, gồm:

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Trọng Bộ.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần – Trại tạm giam – Công an tỉnh H, gồm:

- *Thư ký Tòa án:* Ông Đinh Quốc C - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Kiểm sát viên:* Ông Nguyễn Duy Đ – Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2025/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐST-HS ngày 10/4/2025, đối với bị cáo **Trần Đức T**, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1986, tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 9/12. Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông Trần Quý N và bà Đoàn Thị O. Có vợ là Lê Thị H. Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh H từ ngày 12/11/2024 đến ngày 20/11/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H từ ngày 12/11/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi liên quan:*** Bà Lâm Hồng Phương T1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Khu G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* ***Người làm chứng:*** Nguyễn Thành C1 và Bùi Văn T2. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/11/2024, Trần Đức T lên cửa khẩu T3, tỉnh Hà Giang chơi thì được một người đàn ông không rõ lai lịch cho 02 viên ma túy loại Kẹo (MDMA) và 01 túi ma túy Ke (Ketamine). T cất giấu số ma túy trên vào trong túi quần đang mặc rồi đem về. Khoảng 22 giờ ngày 11/11/2024, T, Nguyễn Thành C1, sinh năm 1982, trú tại thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương và Bùi Văn T2, sinh năm 1988, trú tại thôn D, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng đến quán K, địa chỉ: Khu G, thị trấn P, huyện K thuê phòng để hát. T, C1 và T2 được chị Lâm Hồng Phương T1, sinh năm 1982, trú tại khu G, thị trấn P, huyện K là người quản lý trông coi quán sắp xếp vào phòng hát số 02. Chị T1 cử Thạch Thị Kim H1, sinh năm 2008, ĐKTT: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Trịnh Thị Hồng Đ1, sinh năm 1992, ĐKTT: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và Nguyễn Thị N1, sinh năm 2003, ĐKTT: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang đều là nhân viên của quán vào phòng hát số 2 để phục vụ rót bia, bấm bài hát. Khoảng 23 giờ cùng ngày, khi đang hát thì T nhớ ra bên trong túi quần đang mặc trên người vẫn để số ma túy mà người đàn ông ở cửa khẩu T3 cho T nên T đã lấy ra để trên chiếc đĩa sứ trắng hình bầu dục có sẵn trên bàn trong phòng hát. Lúc này, T lấy 01 viên ma túy loại Kẹo bẻ làm đôi, một nửa viên T tự sử dụng rồi đưa cho T2 nửa viên và đưa cho C1 01 viên để T2 và C1 sử dụng. Sau đó, T cầm túi ma túy loại Ke đổ ra đĩa sứ, dùng móng tay lấy một ít ma túy trên đĩa sử dụng. Thấy vậy, C1 và T2 lần lượt tự sử dụng ma túy trong đĩa. Hồi 01 giờ 30 phút ngày 12/11/2024, sau khi T, C1 và T2 sử dụng ma túy xong đang nghe nhạc cùng chị H1, chị N1, chị Đ1 thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H phối hợp với Công an thị trấn P kiểm tra, thu giữ trên mặt bàn trong phòng hát số B, quán K 01 chiếc đĩa sứ trắng hình bầu dục có chất bám dính màu trắng (niêm phong ký hiệu M1) và 01 vỏ túi nilon màu trắng bên trong có chất bám dính màu trắng (niêm phong ký hiệu M2). Ngoài ra lực lượng công an còn quản lý của T 01 điện thoại di động Samsung Note 10, lắp 01 sim.

Kết luận giám định số 469/KL-KTHS ngày 14/11/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Mẫu chất màu trắng bám dính trên mặt đĩa sứ trắng hình bầu dục được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu M1 gửi đến giám định, là ma túy loại Ketamine, lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng. Mẫu chất màu trắng bám dính bên trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 gửi đến giám định, là ma túy loại Ketamine, lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng. H2 lại đối tượng giám định gồm: 01 đĩa sứ trắng hình bầu dục được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu T1; 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định trong phong bì niêm phong ký hiệu T2.

Kết quả xét nghiệm ma túy trong cơ thể qua mẫu nước tiểu của Trần Đức T, Nguyễn Thành C1 và Bùi Văn T2 ngày 12/11/2024 đều dương tính với ma túy loại MDMA và Ketamine.

Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 27 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Đức T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng, không oan; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hình phạt:

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/11/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định trong phong bì niêm phong ký hiệu T2 và 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu T1.

Trả lại bị cáo Trần Đức T 01 điện thoại di động Sam sung Note 10 màu đen lắp sim số 0988519976.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, người làm chứng tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi liên quan là bà Lâm Hồng Phương T1 xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng đều vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng bà T1 và người làm chứng.

[3] Về hành vi của bị cáo, các chứng cứ xác định tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định, kết quả kiểm tra mẫu nước tiểu của Trần Đức T, Nguyễn Thành C1 và Bùi Văn T2 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ ngày 11/11/2024, tại phòng hát số B, quán K thuộc khu phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương, Trần Đức T có hành vi cung cấp ma túy loại MDMA và Ketamine để T, C1 và T2 sử dụng trái phép. Hồi 01 giờ 30 phút ngày 12/11/2024, sau khi T, C1 và T2 sử dụng ma túy xong thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H phối hợp với Công an thị trấn P phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

MDMA nằm trong Danh mục I, STT 11; Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Kết quả xét nghiệm ma túy trong cơ thể qua mẫu nước tiểu của Trần Đức T, Nguyễn Thành C1 và Bùi Văn T2 ngày 12/11/2024 đều dương tính với ma túy loại MDMA và Ketamine.

Bị cáo Trần Đức T là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Việc bị cáo Trần Đức T có hành vi cung cấp ma túy cho các đối tượng để bị cáo và các đối tượng Nguyễn Thành C1 và Bùi Văn T2 sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi tổ chức *đối với 02 người trở lên* sử dụng trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Đức T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm

b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, điều kiện nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; một mình thực hiện hành vi phạm tội, tự mình cung cấp ma túy, chuẩn bị điều kiện để bị cáo và các đối tượng thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; năm 2018 bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác truyên truyền việc giao nộp pháo, vật liệu nổ, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương tặng Giấy khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Người phạm tội thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt: Qua phân tích, đánh giá các chứng cứ, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân, mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội, tổ chức cho hai người sử dụng trái phép chất ma túy, không nhằm mục đích thu lợi bất chính, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng không tốt đến an ninh trật tự tại địa phương, là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn và tội phạm khác, do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình, xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không nhằm mục đích thu lợi bất chính; bản thân bị cáo đang bị giam giữ, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác định 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định trong phong bì niêm phong ký hiệu T2, là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Xác định 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu T1, là vật chứng của vụ án, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Lâm Hồng Phương T1. Do chiếc đĩa đã cũ và giá trị không đáng kể nên

bà T1 tự nguyện không nhận lại, HĐXX xác định chiếc đĩa không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Xác định 01 điện thoại di động Samsung Note 10 màu đen lắp sim số 0988519976, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội, trả lại bị cáo Trần Đức T.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng do bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo xin được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

* Trong vụ án này:

Đối đối với người cho Trần Đức T chất ma tuý, tài liệu điều tra không xác định được là ai, ở đâu, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không đủ căn cứ để xử lý.

Khi T, C1 và T2 vào quán K hát, T, C1 và T2 chưa bàn bạc, thỏa thuận ai là người sẽ trả tiền phòng, tài liệu điều tra không đủ căn cứ xác định C1 và T2 là người cung cấp địa điểm sử dụng ma túy nên không có căn xử lý C1 và T2 đồng phạm với T về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của T, C1 và Toán, ngày 21/11/2024, Công an huyện K đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với bà Lâm Hồng Phương T1, khi sắp xếp cho T, C1 và T2 vào phòng hát số 2, bà T1 không biết T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại đó. Tuy nhiên, hành vi của bà T1 để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực mình quản lý, việc Ủy ban nhân dân huyện K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 118/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 đối với bà T1, là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1/ Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức T phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Đức T 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/11/2024.

3/ Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định trong phong bì niêm phong ký hiệu T2 và 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu T1.

Trả lại bị cáo Trần Đức T 01 điện thoại di động Sam sung Note 10 màu đen lắp sim số 0988519976.

(*Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 09 giờ 30 phút, ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương*).

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Đức T.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi liên quan bà Lâm Hồng Phương T1 vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành;
- Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS – Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Phòng hồ sơ, Công an tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ THAHS; Văn phòng TA; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung Trung